

Số: 50/QĐ-BQLDVCI

Biên Hòa, ngày 19 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 60/TB-HCSN ngày 16/05/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa (đính kèm biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng các phòng chuyên môn, viên chức, nhân viên và công nhân lao động trong Ban Quản lý Dịch vụ công ích chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Như điều 3;
- Lưu VT, P. TC-KT. } (theo dõi nội bộ)

GIÁM ĐỐC


Phạm Vũ Quang

Đơn vị: Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa
Mã QHNS: 3025816
Chương: 799

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BQLDVCI ngày / /2025
của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa)

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1	272.910.290.210	272.910.290.210	
	a. Từ NSNN cấp	2	272.910.290.210	272.910.290.210	
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3		-	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4		-	
2	Chi phí (05=06+07+08)	5	272.910.290.210	272.910.290.210	
	a. Chi phí hoạt động	6	272.910.290.210	272.910.290.210	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7		-	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8		-	
3	Thặng dư/ thâm hụt (09=01-05)	9	-	-	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			-	
1	Doanh thu	10	12.282.688.488	12.282.688.488	
	- Thu từ các dịch vụ công ích		-	-	
	- Thu từ công trình xây dựng, xây lắp		-	-	
	- Thu từ các dịch vụ công ích tại Cụm gồm sứ Tân Hạnh		-	-	
	- Thu từ các dịch vụ quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải số 1		-	-	
	- Thu dịch vụ của các Ban quản lý chợ		12.282.688.488	12.282.688.488	
2	Chi phí	11	12.187.607.355	12.187.607.355	
	- Giá vốn hàng bán		8.466.195.518	8.466.195.518	
	- Chi phí quản lý		3.721.411.837	3.721.411.837	
	Trong đó:			-	
	+ Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên		3.294.077.979	3.294.077.979	
	+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng		427.333.858	427.333.858	
	+ Chi phí khấu hao TSCĐ			-	
	+ Chi hoạt động khác			-	
3	Thặng dư/ thâm hụt (12=10-11)	12	95.081.133	95.081.133	
III	Hoạt động tài chính			-	
1	Doanh thu	20	28.869.209	28.869.209	
2	Chi phí	21	10.289.092	10.289.092	
3	Thặng dư/ thâm hụt (22=20-21)	22	18.580.117	18.580.117	

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
IV	Hoạt động khác			-	
1	Thu nhập khác	30	1.542.500	1.542.500	
2	Chi phí khác	31	44.552.903	44.552.903	
3	Thặng dư/ thâm hụt (32=30-31)	32	(43.010.403)	(43.010.403)	
V	Chi phí thuế TNDN	40	23.040.750	23.040.750	
VI	Thặng dư/ thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	47.610.097	47.610.097	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		-	
2	Phân phối cho các quỹ	52	47.610.097	47.610.097	
	- Quỹ khen thưởng		5.000.000	5.000.000	
	- Quỹ phúc lợi		5.000.000	5.000.000	
	- Quỹ phát triển HDSN		25.707.573	25.707.573	
	- Quỹ bổ sung thu nhập		11.902.524	11.902.524	
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập			-	
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53		-	

Biên Hòa, ngày 22 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP



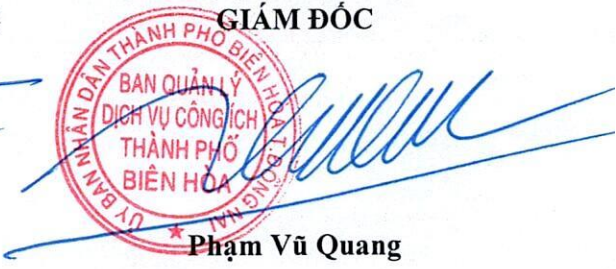
Nguyễn Tấn Thành

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Võ Hoàng Kiệt

GIÁM ĐỐC



Phạm Vũ Quang